SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 16/09/2026; 11:13:19; +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3875 /QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 của Quốc hội về Ban hành văn bản quy phạm pháp; Luật số 87/2025/QH15 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/ND-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 6607/STC-QLKT ngày 05/8/2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ PHỐI HỢP

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục; trách nhiệm của cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho Việt Nam và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Công tác quản lý và sử dụng viện trợ cần bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự quản lý, điều hành thống nhất của UBND tỉnh, sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các xã/phường/đặc khu; đồng thời tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

2. Công tác vận động, quản lý viện trợ có tính chính trị, kinh tế và an ninh.

Khi xử lý các công việc liên quan đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cần xem xét, cân nhắc cả ba mặt này, trong đó nhất thiết phải đảm bảo yêu cầu chính trị, quốc phòng, an ninh.

3. Trong quá trình hoạt động, cần chủ động đề ra các định hướng để tranh thủ nguồn viện trợ gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại theo từng thời kỳ.

4. Việc quản lý và sử dụng viện trợ đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương II
VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Vận động, đàm phán các khoản viện trợ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối về xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm, đàm phán các khoản viện trợ và mở rộng các mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Quảng Trị với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại của tỉnh kèm danh mục dự án ưu tiên kêu gọi viện trợ.

3. UBND tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân chủ động vận động, đàm phán viện trợ trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ được UBND tỉnh phê duyệt và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ;

b) Trong quá trình vận động, cần tranh thủ ý kiến của Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, các đơn vị liên quan nhằm tránh chồng chéo trong đề xuất, phù hợp với định hướng sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Ký kết khoản viện trợ

1. Đối với các khoản viện trợ có sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, chủ khoản viện trợ có văn bản xin ý kiến UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) trước khi ký kết và chỉ được ký kết sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi đàm phán thành công khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ xin ý kiến bằng văn bản của UBND tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) về nội dung thỏa thuận viện trợ trước khi ký kết. Việc ký kết thỏa thuận viện trợ chỉ được tiến hành khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của UBND tỉnh (đối với các khoản viện trợ hợp tác với tổ chức, cá nhân mới; lĩnh vực hoạt động nhạy cảm...) hoặc văn bản đồng ý của Sở Ngoại vụ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi ký kết thỏa thuận viện trợ, chủ khoản viện trợ có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ để tổng hợp, theo dõi.

Chương III
THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 6. Hồ sơ khoản viện trợ

1. Bên tiếp nhận viện trợ xây dựng nội dung văn kiện dự án, phi dự án sử dụng vốn viện trợ trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Văn kiện dự án, phi dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP được lập thành 03 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm về nội dung bản gốc và bản dịch tiếng Việt của tài liệu.

Điều 7. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính (cơ quan chủ quản là UBND tỉnh) quy định tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 313/2025/NĐ-CP: Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành; Tổng hợp ý kiến, phối hợp với Chủ khoản viện trợ để hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt;

2. Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh: Sở Tài chính là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định.

3. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất nội dung dự án, cơ quan chủ trì thẩm định có thể lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định dự án.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

5. Đối với các khoản viện trợ khác triển khai trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh có ý kiến về việc triển khai, thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh

Điều 8. Lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án, khoản viện trợ phi dự án

1. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (cơ quan chủ quản là UBND tỉnh) quy định tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 313/2025/NĐ-CP: Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6, Quy chế này đến Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan để xin ý kiến. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu UBND tỉnh có văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ.

Đối với các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP: Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này đến Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan; đồng thời, gửi bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này đến Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan để xin ý kiến. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu UBND tỉnh có văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

2. Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh: Trình tự, thủ tục lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định 313/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Chủ khoản viện trợ gửi bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6, Quy chế này tới Sở Tài chính.

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) tới Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ, và các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh hoặc trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều tỉnh hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Đối với các khoản viện trợ về pháp luật và cải cách tư pháp, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ theo quy định đến Bộ Tư pháp để xin ý kiến theo quy định tại Nghị định số 26/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2024 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Tài chính; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản; quá thời hạn trên mà không có trả lời được xem là đồng ý với nội dung khoản viện trợ và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các nội dung thuộc lĩnh vực, ngành hoặc địa bàn phụ trách.

d) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan; Sở Tài chính tiến hành đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ và thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt khoản viện trợ.

Trường hợp các ý kiến tham gia chưa thống nhất hoặc có yêu cầu chỉnh sửa, làm rõ, Sở Tài chính chủ trì tổ chức hội nghị thẩm định hoặc có ý kiến bằng văn bản gửi chủ khoản viện trợ đề nghị làm rõ, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn thiện lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định theo quy định.

Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh và gửi thông báo tới Chủ khoản viện trợ. Trên cơ sở kết quả thẩm định và báo cáo của Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về việc không tiếp nhận khoản viện trợ.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cùng văn bản thẩm định của Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ.

e) Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tài chính. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Quyết định phê duyệt khoản viện trợ đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bên cung cấp viện trợ và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

3. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Tài chính tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định.

Điều 9. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án trong quá trình thực hiện.

1. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Cơ quan chủ quản tiến hành thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ khi có các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi về chủng loại hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Quy chế này.

2. Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh:

a) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản viện trợ trở thành trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP thì Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Quy chế này.

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a khoản này do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Quy chế này trong trường hợp việc thay đổi làm tăng vốn đối ứng hoặc tăng vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở lên. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, các trường hợp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khác, đơn vị chủ trì thẩm định trình cơ quan chủ quản phê duyệt trên cơ sở đề nghị của chủ dự án.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp với các ngành liên quan giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

b) Phối hợp thẩm định, đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và Quy chế này.

Ngoài các nhiệm vụ quy định tại Chương III của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo thẩm quyền hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ.

b) Chủ trì tham gia ý kiến đối với nội dung các khoản viện trợ theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và Quy chế này.

c) Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án (đối với các dự án do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản) (bao gồm nội dung phân bổ vốn cho các hạng mục cụ thể của dự án, kế hoạch tài chính tổng thể của dự án), dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trên cơ sở đề xuất của chủ khoản viện trợ, phù hợp quy định của pháp luật có liên quan. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách, việc thực hiện công tác đấu thầu theo thỏa thuận với Bên cung cấp viện trợ và quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án.

d) Tham mưu UBND tỉnh về quản lý tài chính, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ, kiểm tra quyết toán hàng năm và phê duyệt khi kết thúc dự án theo quy định.

đ) Tham mưu UBND tỉnh định kỳ tổng hợp báo cáo quản lý tài chính các khoản viện trợ do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm tổng hợp về kết quả vận động viện trợ, tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với cơ quan chủ quản không phải là cơ quan hành chính nhà nước; tiếp nhận báo cáo sáu tháng về tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ từ Chủ khoản viện trợ; gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ cho Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ. Đối với các khoản viện trợ triển khai được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có các khuyến nghị về an ninh, quốc phòng, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các khuyến nghị đó trong báo cáo định kỳ hàng năm. Thời điểm chốt số liệu là ngày

15 tháng 12 của năm báo cáo. Báo cáo định kỳ hàng năm gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 01 tháng 02 của năm tiếp sau.

g) Tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin quản lý viện trợ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Việt Nam.

i) Kiểm tra việc tuân thủ quy định về tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện theo thẩm quyền đối với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

3. Sở Ngoại vụ

Là cơ quan đầu mối, về xúc tiến, vận động viện trợ và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại các Chương II, III, IV của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo vận động viện trợ trên cơ sở nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực tiếp nhận viện trợ của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan thẩm định tư cách pháp nhân, năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến thực hiện chương trình, dự án tại địa phương;

c) Chủ trì thẩm định, tham mưu UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và cấp có thẩm quyền xem xét cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có nhu cầu hoạt động tại tỉnh Quảng Trị. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng định kỳ kiểm tra hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương;

d) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra lập dự án và thiết lập quan hệ đối tác tại địa phương (nếu có) theo đề nghị của Bên tiếp nhận viện trợ hoặc ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp và hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ trong đàm phán, ký kết các khoản viện trợ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hỗ trợ các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai các các khoản viện trợ tại địa phương;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo hàng năm và đột xuất theo yêu cầu về tình hình quản lý hoạt động và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

g) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài về các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập

cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế;

h) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyển chọn, sử dụng, quản lý và thực hiện các chính sách đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức nước ngoài, các chương trình, dự án do các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020.

i) Tham mưu UBND tỉnh hàng năm thành lập các đoàn kiểm tra việc tuân thủ quy định về tiếp nhận, triển khai các chương trình, dự án/phi dự án của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

k) Cung cấp thường xuyên, đầy đủ thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, định hướng hợp tác với các nước làm cơ sở cho các đối tác Việt Nam vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và thẩm định viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Quy chế này.

4. Công an tỉnh

Là đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội đối với các hoạt động viện trợ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh, ngoài các nhiệm vụ đã nêu tại Chương III của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong tiếp nhận, thực hiện các hoạt động viện trợ không hoàn lại theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan chức năng xử lý các vụ việc, hiện tượng, phương tiện, tài sản liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và có yếu tố nước ngoài. Chủ trì thực hiện các thủ tục đăng ký, gia hạn đăng ký phương tiện giao thông thuộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động viện trợ trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

d) Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy phép hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu;

đ) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đánh giá hiệu quả, tác động về an ninh, trật tự xã hội sau khi kết thúc thực hiện;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về an ninh trật tự đối với các hoạt động viện trợ và tiến hành

các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

g) Tiến hành rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án viện trợ, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và các hoạt động khác của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam đảm bảo đúng khuôn khổ dự án.

5. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

b) Tổng hợp hàng năm về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Báo cáo định kỳ hằng năm gửi Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

7. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức công tác rà phá bom mìn và thẩm định địa bàn rà phá bom mìn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh và các văn bản quy định hiện hành có liên quan;

c) Phối hợp với Sở Tài chính trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, các cơ quan liên quan tham gia công tác tuyển chọn, thẩm định năng lực của các đơn vị, cá nhân tham gia rà phá bom mìn.

9. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với Sở Tài chính trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ liên quan đến quản lý hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn khu vực biên giới đất liền, biển, đảo khi có yêu cầu.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Khu vực 8

a) Tham mưu theo thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi nguồn vốn tài trợ liên quan đến các chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc hợp phần tài

chính vi mô thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (Quyết định 20) và các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế.

b) Tham mưu chức năng quản lý ngoại hối trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đối với việc tiếp nhận nguồn vốn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

11. Kho bạc nhà nước Khu vực XII

Chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương III, IV Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

12. Chi cục Hải quan khu vực IX

Hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa viện trợ theo quy định của pháp luật về hải quan và các quy định về tiếp nhận hàng viện trợ theo quy định tại Chương IV Nghị định số 313/2025/NĐ-CP; Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa viện trợ trong quá trình nhập khẩu, bảo đảm phù hợp với hồ sơ khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

13. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

a) Phối hợp với Sở Tài chính tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đúng quy định;

c) Tích cực vận động, tìm kiếm đối tác viện trợ trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn viện trợ từng năm, từng thời kỳ.

14. UBND xã/phường/đặc khu

a) Phối hợp với Sở Tài chính tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn được phân công.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo quy định. Phối hợp với Sở Ngoại vụ tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập dự án, phi dự án viện trợ triển khai trên địa bàn;

c) Chuẩn bị mặt bằng sạch, cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách được phân cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí thực hiện các khoản viện trợ do UBND xã/phường/đặc khu và các cơ quan trực thuộc thẩm quyền quản lý làm chủ khoản viện trợ.

d) Giao Phòng, đơn vị chuyên môn làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn xã/phường/đặc khu.

15. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương là chủ khoản viện trợ: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ quy định tại Điều 14, Nghị định số 313/2025/NĐ-CP./.